

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu nhà ở xã hội Vạn Phát của Doanh nghiệp tư nhân Dệt may
thương mại Vạn Phát**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3462/STNMT-CCBVMT ngày 12/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu nhà ở xã hội Vạn Phát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu nhà ở xã hội Vạn Phát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 31/VP ngày 27/10/2023 của Doanh nghiệp tư nhân Dệt may thương mại Vạn Phát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1390/TTr-STNMT ngày 16/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu nhà ở xã hội Vạn Phát (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Dệt may thương mại Vạn Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *h*

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

th

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



th
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU NHÀ Ở XÃ HỘI VẠN PHÁT, PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội Vạn Phát, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: phường Trần Quang Diệu và phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Dệt may thương mại Vạn Phát.

- Địa chỉ liên hệ: 825 Hùng Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Phạm vi:

+ Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa đối với diện tích 963,6 m².

+ Tổng diện tích thực hiện Dự án 43.019,96 m².

Diện tích đất ở xây dựng khu chung cư nhà ở xã hội: 21.083,75 m².

Diện tích đất ở xây dựng nhà ở liên kế thương mại: 4.197,82 m².

Diện tích đất cây xanh: 1.483,10 m².

Diện tích đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 11.804,06 m².

- Quy mô:

+ Xây dựng 02 khối chung cư nhà ở xã hội 13 tầng với 433 căn, 04 khối chung cư nhà ở xã hội 04 tầng với 316 căn.

+ Xây dựng nhà ở liên kế thương mại với 57 căn.

+ Quy mô dân số: 2.475 người.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: hạng mục giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng khu nhà ở xã hội với tổng số căn là 749 căn (02 khối chung cư nhà ở xã hội cao 13 tầng với 433 căn, 04 khối chung cư nhà ở xã hội cao 04 tầng với 316 căn), 57 căn nhà ở liên kế thương mại.

- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải có công suất 530 m³/ngày đêm; đường giao thông; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp

nước; diện tích cây xanh 1.483,10 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 01 bãi chứa nguyên vật liệu, bãi chứa tạm và lán trại có tổng diện tích 1.500 m².

1.3.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân trong Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 963,6 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 43.019,96 m² đất; trong đó, diện tích đất trồng lúa khoảng 963,6 m²; ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Tây Bắc dự án.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Hoạt động duy tu, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 06 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 436 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành: Mùi hôi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 14 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Đất bóc hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 3.594,078 m³.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 3.217,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; bùn thải từ nạo vét, khơi thông kênh mương thoát nước trong dự án.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 100 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 320kg/năm. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy ép cọc, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn,

độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án, tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện có khả năng ảnh hưởng tới cư dân sinh sống tại tòa nhà.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom và xử lý bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải của 06 khu nhà ở xã hội (02 khu cao tầng và 04 khu thấp tầng) được thiết kế đường ống thu gom giống nhau, là hệ thống thoát nước riêng biệt bao gồm:

Nguồn số 01 (Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tắm rửa, giặt): được thu gom bằng các đường ống uPVC D114 theo trục đứng (nằm trong hộp gen) của các tòa nhà, sau đó dẫn về hố ga tập trung ở tầng kỹ thuật và theo đường ống HDPE D250 - D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Nguồn số 02 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh): được thu gom bằng các đường ống uPVC D114 theo trục đứng (nằm trong hộp gen) của các tòa nhà, dẫn về bể tự hoại 03 ngăn xây ngầm, chống thấm để xử lý sơ bộ (các khu nhà thấp tầng bể tự hoại có thể tích 50m³, các khu nhà cao tầng bể tự hoại có thể tích 130 m³) sau đó dẫn về hố ga tập trung nước thải rồi theo đường ống HDPE D250 -

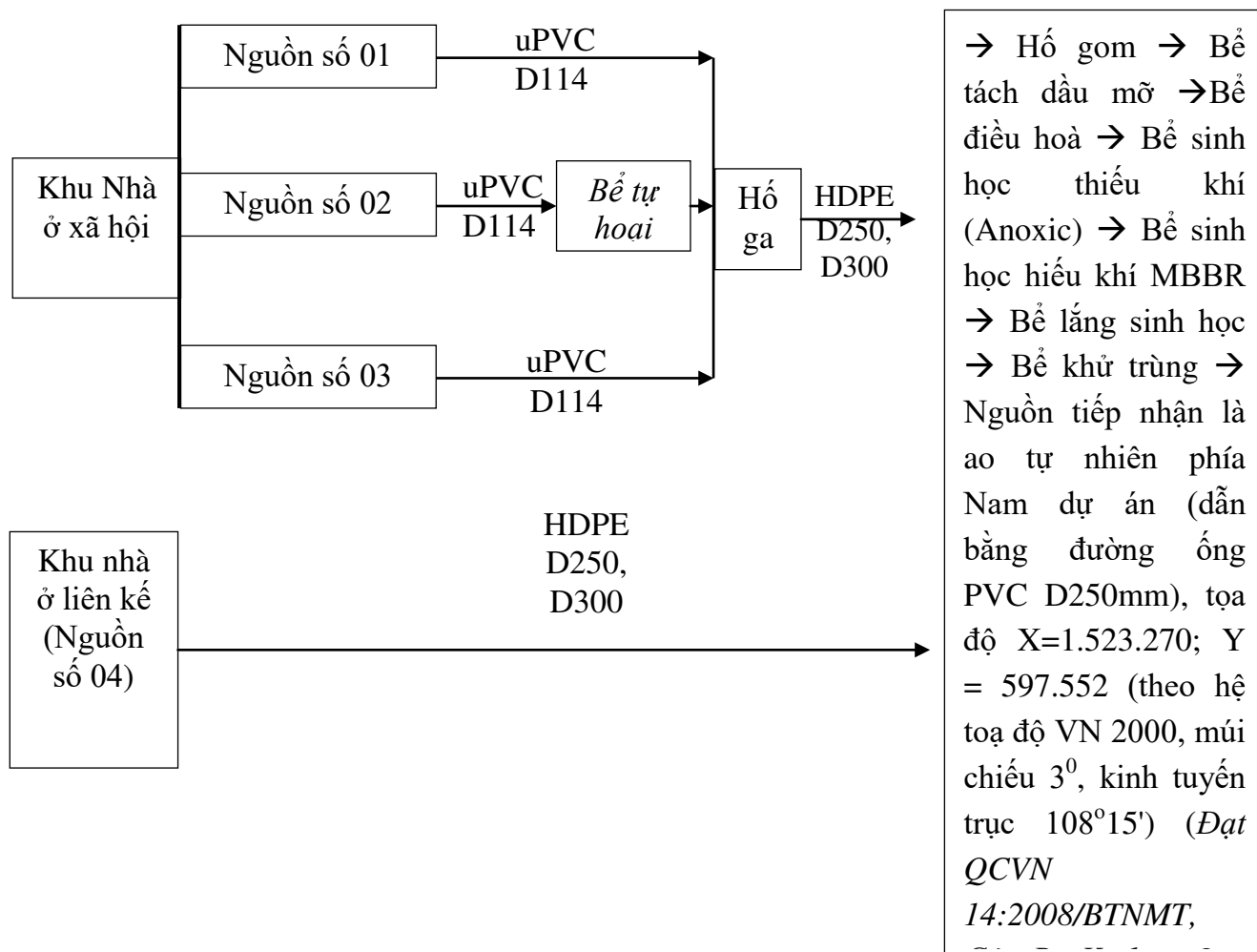
D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

Nguồn số 03 (Nước thải phát sinh từ nhà bếp): được thu bằng các đường ống uPVC D114 theo trục đứng (nằm trong hộp gen) của các tòa nhà, dẫn về hố ga tập trung nước thải tại tầng kỹ thuật, sau đó theo đường ống HDPE D250, D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nguồn số 4 (Nước thải khu nhà liên kế): được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại các hộ gia đình và đầu nối vào các tuyến ống thu gom HDPE D250 - D300 dọc theo vỉa hè các tuyến đường rồi dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải của Dự án. Giai đoạn khi hạ tầng thoát nước thải chung của thành phố Quy Nhơn tại khu vực dự án đã hoàn thiện, nước thải của 57 nhà ở liên kế sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực trên tuyến đường Bắc Nam (đường D4) lộ giới 30m theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Long Vân và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải 2A để xử lý.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây ngầm, có nắp đậy kín, có hệ thống xử lý mùi hôi, bố trí dưới sân giữa Block 3 và Block 6 ở phía Đông dự án với diện tích 416,67 m².

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của Dự án được tóm tắt như sau:



- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước được thiết kế dựa trên cao độ hiện trạng và cao độ thiết kế quy hoạch, hướng thoát nước chính từ Bắc xuống

Nam và từ Tây sang Đông theo hình thức tự chảy, thoát ra tuyến mương hiện trạng qua 02 cửa xả.

+ Thoát nước khu dân cư hiện hữu Tây Nam và Tây Bắc: thiết kế đầu nối với 02 cống D1000 hiện trạng và chỉnh tuyến thu gom đưa về mương xây dựng mới B=1,6m bằng BTXM dọc mái taluy phía Tây Nam dự án và đầu nối về mương hiện trạng phía Tây Nam.

+ Thu gom nước mưa bằng hệ thống cống dọc, cống ngang bằng BTLT D400-D1000.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi cho hệ thống xử lý nước thải bằng tháp hấp thụ với vật liệu là than hoạt tính, mùi hôi sau khi được cho qua lớp than hoạt tính sẽ theo đường ống dẫn thoát trên tầng mái của khu 13 tầng. Sơ đồ công nghệ: Mùi hôi từ các bể xử lý → Tháp hấp thụ (vật liệu than hoạt tính) → Ống thoát hơi.

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất vét hữu cơ được tận dụng đắp vào khu vực công viên cây xanh của Dự án tại khu cây xanh 01 (1.016,9 m²) ở phía Tây và cây xanh 02 (466,2 m²) ở phía Nam dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với khối nhà ở xã hội thấp tầng (04 tầng): tại mỗi tầng có bố trí 01 phòng chứa rác thải có tường ngăn, được chia làm 03 ngăn: phòng chứa rác thải sinh hoạt (diện tích 4 m²), phòng đệm (diện tích 2 m²) và phòng chứa CTNH (diện tích 4 m², có cửa khóa), hàng ngày các cư dân tại căn hộ tự mang rác đã được phân loại rác thải tại nguồn tập trung ở phòng chứa rác, có 02 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240 lít. Hàng ngày, đội vệ sinh sẽ tiến hành thu gom rác tại mỗi tầng và đưa xuống khu vực tập trung để đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý. Sau khi rác thải đã được thu gom, thùng rác sẽ được đội vệ sinh rửa tại khu vực phòng chứa rác của tầng 01, sau đó đưa về phòng chứa rác của mỗi tầng và nước vệ sinh thùng rác được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án.

- Đối với rác của 02 tòa nhà ở xã hội cao tầng: rác thải sinh hoạt được người dân tự phân loại và bỏ vào ống thu rác của từng khu nhà và được thu gom về phòng chứa rác của tầng trệt mỗi Block. Phòng chứa rác có tường ngăn, cửa khóa, được chia làm 03 ngăn: bao gồm phòng đệm có diện tích 03 m², phòng chứa rác sinh hoạt 11 m² và phòng chứa CTNH 7 m², bên trong phòng chứa có bố trí 01 thùng rác 600 lít (dung tích thùng để chứa rác thải cho toàn bộ 01 khu nhà). Hàng ngày, đội vệ sinh sẽ tiến hành thu gom rác tại mỗi tầng và đưa xuống khu vực tập trung để đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý. Sau khi rác thải đã được thu gom, thùng rác sẽ được đội vệ sinh rửa tại khu vực phòng chứa rác và nước vệ sinh thùng rác được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án.

- Đối với CTR khu nhà liên kế: người dân tự thu gom rác vào các túi đựng theo mô hình phân loại rác thải tại nguồn và đặt dọc theo các tuyến đường nội bộ và được đơn vị có chức năng thu gom, làm vệ sinh thường xuyên đảm bảo cảnh quan môi trường và đưa đi xử lý theo đúng quy định (Người dân sinh sống tại các khu nhà ở liên kế sẽ hợp đồng trực tiếp với đơn vị thu gom rác và tự chi trả chi phí).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 120 lít/thùng và 01 can 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Khu nhà ở xã hội thấp tầng: bố trí phòng chứa CTNH tại tầng 01 có diện tích 4 m², bên trong bố trí 04 thùng dung tích 120 lít, bằng nhựa, có nắp đậy, có dán nhãn nhận biết.

- Khu nhà ở xã hội cao tầng: hàng ngày khi có phát sinh CTNH sẽ được các cư dân thu gom mang xuống phòng lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 7 m² ở tầng 01, bên trong kho bố trí 04 thùng dung tích 240 lít, bằng nhựa, có nắp đậy, có dán nhãn để lưu chứa chất thải nguy hại và định kỳ phối hợp với đơn vị cho chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý nước thải.
- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa: Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực tiếp giáp khu dân cư phía Tây Bắc dự án, tọa độ X = 1.527.427, Y = 604.752 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108⁰15').

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.1.3. Giám sát khả năng sạt lở:

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: Các khu vực đào đắp, khu vực bãi chứa.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tại tọa độ $X = 1.523.270$; $Y = 597.522$ (tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến $108^{\circ}15'$).

- Các chỉ tiêu giám sát là: pH, BOD₅, TSS, TDS, H₂S, Amoni, NO₃⁻, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO₄³⁻, Tổng Coliform.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, K = 1.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước thải sinh hoạt.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ và chuyển giao xử lý.